

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 02 - 2021

V/v tranh chấp về ly hôn giữa chị  
P và anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thanh Hoa.
2. Bà Lê Thị Tuyết Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết P, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 3, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thiện T, sinh năm 1976; địa chỉ: Hoa Kỳ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị Tuyết P trình bày chị P và anh Huỳnh Thiện T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/10/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 73. Sau khi kết hôn thì anh T về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, chị P vẫn sinh sống ở Việt Nam. Tháng 4/2019, chị P và con chung Huỳnh V đến Hoa Kỳ sinh sống cùng anh T, nhưng đến tháng 5/2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã và đến tháng 7/2019 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng

ngghiêm trọng hơn nên chị P và con chung đã về Việt Nam sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh T. Về nuôi con chung thì giữa chị P và anh T có 01 con chung tên là Huỳnh V, sinh ngày 13/8/2015, hiện con chung đang do chị P nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản thì giữa chị P và anh T không có tài sản chung. Về nợ chung không có.

Tại đơn thỏa thuận đồng ý ly hôn ngày 18/11/2020, anh Huỳnh Thiện T trình bày là anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị Trần Thị Tuyết P. Về nuôi con chung thì giữa anh T và chị P có 01 con chung tên là Huỳnh V, sinh ngày 13/8/2015, hiện con chung đang sống cùng chị P. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Vụ án ly hôn giữa nguyên đơn Trần Thị Tuyết P là công dân Việt Nam và bị đơn Huỳnh Thiện T là công dân nước ngoài (Hoa Kỳ) thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án; tranh chấp về ly hôn mà có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; chị P cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và anh Huỳnh Thiện T không có nơi cư trú ở Việt Nam nên Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện của chị P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Anh Huỳnh Thiện T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy việc chị Trần Thị Tuyết P và anh Huỳnh Thiện T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/10/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định sau khi kết hôn vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Tại phiên tòa chị P trình bày sau khi kết hôn, anh T về Hoa Kỳ sinh sống, đến tháng 4/2019 chị P đến Hoa Kỳ chung sống cùng anh T nhưng khoảng 01 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và đến tháng 7/2019 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng nghiêm trọng hơn nên chị P về Việt Nam sinh sống đến nay. Từ ngày xa nhau đến nay, anh T có về Việt Nam thăm nom con chung nhưng vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị P yêu cầu được ly hôn anh T và anh T có văn bản đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P. Xét thấy thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận và quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết P và anh Huỳnh Thiện T.

[3] Về nuôi con chung: Chị P và anh T cùng thống nhất giữa anh, chị có 01 con chung tên là Huỳnh V, sinh ngày 13/8/2015 đang do chị P nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh V, anh T đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự về nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao con chung Huỳnh V, sinh ngày 13/8/2015 cho chị Trần Thị Tuyết P được trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết P và anh Huỳnh Thiện T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh V, sinh ngày 13/8/2015 cho chị Trần Thị Tuyết P được trực tiếp nuôi dưỡng (con chung đang do chị P nuôi dưỡng).

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết P tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006065 ngày 11/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị P có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND huyện Châu Thành;
- Lưu HS, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thúy Hằng**